

2. Em thử hình dung xem nếu chỉ tăng về số lượng thì từ vựng của ngôn ngữ đó sẽ phát triển như thế nào.

II – TỪ MƯỢN

1. Để làm bài tập này, cần lưu ý những điểm sau đây :

– Vay mượn từ ngữ của ngôn ngữ khác để làm giàu cho vốn từ ngữ của mình là quy luật chung đối với tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.

– Việc vay mượn từ ngữ là xuất phát từ nhu cầu giao tiếp của người bản ngữ.

– Nhu cầu giao tiếp của người Việt cũng như của tất cả các dân tộc khác trên thế giới tăng lên không ngừng. Từ vựng tiếng Việt phải được bổ sung liên tục để đáp ứng nhu cầu đó.

2. Có những từ tuy là từ vay mượn nhưng nay đã được Việt hoá hoàn toàn. Về âm, nghĩa và cách dùng, những từ này không khác gì những từ được coi là thuần Việt.

III – TỪ HÁN VIỆT

Để làm bài tập này, cần lưu ý những điểm sau đây :

– Quá trình tiếng Việt vay mượn từ ngữ của tiếng Hán diễn ra rất lâu dài, bắt đầu từ khi vốn từ ngữ của tiếng Việt còn rất ít.

– Khái niệm *từ gốc Hán* rộng hơn khái niệm *từ Hán Việt*.

– Dùng nhiều từ Hán Việt và lạm dụng từ Hán Việt là hai vấn đề khác nhau.

IV – THUẬT NGỮ VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

1. Cần lưu ý, chúng ta đang sống trong thời đại khoa học, công nghệ phát triển hết sức mạnh mẽ và có ảnh hưởng lớn đối với đời sống con người. Trình độ dân trí của người Việt Nam cũng không ngừng được nâng cao. Nhu cầu giao tiếp và nhận thức của mọi người về những vấn đề khoa học, công nghệ tăng lên chưa từng thấy.

2. Em dựa vào khái niệm *biệt ngữ xã hội* và thực tiễn sử dụng ngôn ngữ của bản thân để làm bài tập này.

3. – Một số ví dụ về từ Hán Việt : *truy cập, cơ sở dữ liệu, giao diện, ứng dụng đồ hoạ, chương trình đa nhiệm,...*

– Một số ví dụ về từ mượn Anh, Pháp : *vi-rút (virus), laptop (laptop), ghi (gigabyte), mé (megabyte)...*

4. Tiếng lóng luôn luôn thay đổi. Tuy nhiên, có thể kể một số tiếng lóng hiện được dùng trong nghề buôn bán như sau : *đánh quả* (thực hiện một vụ mua bán

nào đó), *múc* (mua), *đẩy* (bán), *lược* (mua rẻ bán đắt), *vào cầu* (mua bán trúng lãi to), *gãy cầu* (mua bán bị thất bại),...

V – TRAU DỒI VỐN TỪ

1. Để giải thích được nghĩa của những từ ngữ đã cho, có thể tra từ điển.
2. Trong các câu đã cho, người viết dùng sai các từ *béo bố*, *đạm bạc*, *tấp nập*. Em hãy tìm hiểu xem vì sao những từ này bị coi là dùng sai và tìm các từ ngữ thích hợp để thay thế.

NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

Bài tập

1. Bài tập 1, trang 139, SGK.

2. Lập luận thường nêu lên một giả thiết và đi đến một kết luận. Ví dụ trong câu *Chỉ có chăm chỉ thì mới có kết quả học tập tốt*, thì *Chỉ có chăm chỉ* là giả thiết còn *mới có kết quả học tập tốt* là kết luận.

Căn cứ vào cách hiểu trên, hãy chỉ ra đâu là giả thiết và đâu là kết luận trong đoạn văn sau :

Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi,... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu ? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

3. Trong mấy câu thơ sau, Thuý Kiều đã nói với Hoạn Thư những gì ? Hãy chuyển những lời của Thuý Kiều thành một đoạn văn nghị luận.

*Thoắt trông nàng đã chào thưa :
"Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây !
Đàn bà để có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan !
Để dàng là thói hồng nhan,
Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều".*

4. Chuyển lập luận của Hoạn Thư trong các câu thơ sau thành một đoạn văn xuôi, trong đó sử dụng các kiểu câu giả thiết – kết luận ; hoặc nguyên nhân – kết quả.

*Rằng : "Tôi chút phận đàn bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
Nghĩ cho khi gác viết kinh,
Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo.
Lòng riêng riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng".
Khen cho : "Thật đã nên rằng,
Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời.
Tha ra thì cũng may đời,
Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen".*

Gợi ý làm bài

1. Đoạn văn trích trong truyện *Lão Hạc* nêu ở bài tập 1 là lời độc thoại của nhân vật ông giáo. Ở đây chủ yếu là ông giáo đang thuyết phục chính mình. Nội dung thuyết phục thể hiện ngay ở câu đầu của đoạn văn : *Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương...*

2. Trong câu văn đầu, phần giả thiết là *Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ ;* phần kết luận là *thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương...*

3. Nội dung Kiều nói với Hoạn Thư có thể diễn xuôi như sau :

Tiểu thư bây giờ cũng có ở đây sao ? (chào một cách mỉa mai) Từ xưa đến nay được mấy người phụ nữ ghê gớm như bà ? Ở đời càng sống cay nghiệt càng gặp nhiều oan trái.

Dựa vào nội dung trên, viết thành đoạn văn nghị luận.

4. Chẳng hạn : *Do tôi là phận đàn bà nên có ghen tuông cũng là chuyện thường tình.*